

CHÍNH PHỦ
Số: 90/2011/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2011

NGHỊ ĐỊNH
Về phát hành trái phiếu doanh nghiệp

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;
Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;
Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010;
Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối ngày 13 tháng 12 năm 2005;
Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

- Nghị định này quy định việc phát hành trái phiếu riêng lẻ trên phạm vi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế của doanh nghiệp.
- Doanh nghiệp thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này bao gồm:
 - Công ty cổ phần;
 - Công ty trách nhiệm hữu hạn.

3. Việc phát hành trái phiếu của các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, ngoài việc tuân thủ quy định của Nghị định này, phải thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành liên quan. Trường hợp quy định của pháp luật chuyên ngành khác với quy định tại Nghị định này, doanh nghiệp phát hành trái phiếu thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Trái phiếu doanh nghiệp” là loại chứng khoán nợ do doanh nghiệp phát hành, xác nhận nghĩa vụ trả gốc, lãi, và các nghĩa vụ khác (nếu có) của doanh nghiệp đối với chủ sở hữu trái phiếu.
2. “Trái phiếu chuyển đổi” là loại trái phiếu do công ty cổ phần phát hành, có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của doanh nghiệp phát hành theo điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành trái phiếu.
3. “Trái phiếu có bảo đảm” là loại trái phiếu được bảo đảm thanh toán toàn bộ hoặc một phần gốc, lãi khi đến hạn bằng tài sản của doanh nghiệp phát hành hoặc tài sản của bên thứ ba; hoặc được bảo lãnh thanh toán của tổ chức tài chính, tín dụng có chức năng cung cấp dịch vụ bảo lãnh thanh toán.
4. “Phát hành trái phiếu riêng lẻ” là phát hành trái phiếu cho dưới một trăm (100) nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chuyên nghiệp và không sử dụng phương tiện thông tin đại chúng hoặc internet.
5. “Bảo lãnh phát hành trái phiếu” là phương thức phát hành trái phiếu mà doanh nghiệp phát hành bán trái phiếu thông qua tổ chức bảo lãnh phát hành.
6. “Đấu thầu phát hành trái phiếu” là phương thức phát hành mà doanh nghiệp phát hành lựa chọn các tổ chức đủ điều kiện trúng thầu mua trái phiếu đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp phát hành.
7. “Đại lý phát hành trái phiếu” là phương thức phát hành trái phiếu mà doanh nghiệp phát hành ủy thác cho một tổ chức khác thực hiện bán trái phiếu cho các đối tượng mua trái phiếu.

8. “Bán lẻ trái phiếu” là phương thức phát hành trái phiếu mà doanh nghiệp phát hành trực tiếp bán trái phiếu cho từng đối tượng mua trái phiếu.
9. “Hệ số tín nhiệm” là hệ số các tổ chức đánh giá hệ số tín nhiệm xác định để đánh giá các quốc gia (hệ số tín nhiệm quốc gia) hoặc các doanh nghiệp (hệ số tín nhiệm doanh nghiệp) về mức độ tin cậy, mức độ rủi ro đầu tư và khả năng hoàn trả các khoản vay.
10. “Lưu ký trái phiếu” là việc chủ sở hữu trái phiếu thực hiện ký gửi trái phiếu của mình tại một tổ chức được phép lưu giữ, bảo quản trái phiếu để giúp chủ sở hữu trái phiếu thực hiện các quyền đối với trái phiếu.
11. “Tư vấn pháp lý” là công ty luật được lựa chọn làm tư vấn cho doanh nghiệp phát hành hoặc tổ chức (tổ hợp) bảo lãnh phát hành về các quy định của pháp luật liên quan đến đợt phát hành trái phiếu, soạn thảo bản cáo bạch và ý kiến pháp lý cho đợt phát hành trái phiếu.
12. “Hợp đồng tư vấn pháp lý” là thỏa thuận được ký giữa doanh nghiệp phát hành và tổ chức (tổ hợp) bảo lãnh phát hành với một hoặc nhiều công ty luật về việc cung cấp các dịch vụ tư vấn pháp luật trong nước, nước ngoài hoặc quốc tế.
13. “Ý kiến pháp lý” là văn bản do tư vấn pháp lý phát hành phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế về căn cứ pháp luật của các giao dịch liên quan tới phát hành, thanh toán trái phiếu được thực hiện trên cơ sở pháp luật Việt Nam, các điều ước, các thỏa thuận quốc tế, các hợp đồng có yếu tố nước ngoài và các văn bản pháp lý khác.
14. “Hoán đổi trái phiếu” là việc mua, bán hai trái phiếu khác nhau do cùng một doanh nghiệp phát hành tại cùng một thời điểm với mục tiêu cơ cấu lại danh mục nợ của doanh nghiệp.
15. “Doanh nghiệp nhà nước” là doanh nghiệp trong đó Nhà nước sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ, theo quy định tại khoản 22 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.

Điều 3. Mục đích phát hành trái phiếu

1. Thực hiện các chương trình, dự án đầu tư của doanh nghiệp.

2. Tăng quy mô vốn hoạt động của doanh nghiệp.

3. Cơ cấu lại các khoản nợ của doanh nghiệp.

Điều 4. Nguyên tắc phát hành trái phiếu

1. Danh mục phát hành trái phiếu theo nguyên tắc tự vay, tự trả và tự chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng vốn.

2. Các hoạt động phát hành trái phiếu phải đảm bảo công khai, minh bạch, công bằng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nhà đầu tư.

3. Việc phát hành trái phiếu để cơ cấu lại nợ phải đảm bảo nguyên tắc không phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế để cơ cấu lại nợ bằng đồng Việt Nam.

4. Đối với phát hành trái phiếu để đầu tư cho các chương trình, dự án, doanh nghiệp phát hành phải đảm bảo duy trì tỷ lệ vốn chủ sở hữu tối thiểu là hai mươi phần trăm (20%) trong tổng mức đầu tư của chương trình, dự án.

5. Đối với trường hợp doanh nghiệp phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế, ngoài việc tuân thủ quy định của Nghị định này còn phải tuân thủ quy định của pháp luật về vay và trả nợ nước ngoài.

Điều 5. Loại hình và hình thức trái phiếu

1. Trái phiếu không chuyển đổi

a) Trái phiếu không chuyển đổi là trái phiếu có bảo đảm hoặc trái phiếu không có bảo đảm, trái phiếu kèm theo chứng quyền hoặc trái phiếu không kèm theo chứng quyền;

b) Đối tượng phát hành trái phiếu không chuyển đổi là công ty cổ phần và công ty trách nhiệm hữu hạn. Đối tượng phát hành trái phiếu không chuyển đổi có kèm chứng quyền là công ty cổ phần.

2. Trái phiếu chuyển đổi

a) Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có bảo đảm hoặc trái phiếu không có bảo đảm, trái phiếu kèm theo chứng quyền hoặc trái phiếu không kèm theo chứng quyền;

b) Đối tượng phát hành trái phiếu chuyển đổi là công ty cổ phần.

3. Trái phiếu được phát hành dưới hình thức chứng chỉ, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử.

Điều 6. Kỳ hạn trái phiếu

1. Trái phiếu doanh nghiệp có kỳ hạn từ một (01) năm trở lên.
2. Doanh nghiệp phát hành quyết định kỳ hạn trái phiếu trên cơ sở nhu cầu sử dụng vốn và công bố tại phương án phát hành.

Điều 7. Đồng tiền phát hành và thanh toán trái phiếu

1. Đối với trái phiếu phát hành tại thị trường trong nước, đồng tiền phát hành là đồng Việt Nam.
2. Đối với trái phiếu phát hành ra thị trường quốc tế, đồng tiền phát hành là ngoại tệ tự do chuyển đổi.
3. Đồng tiền sử dụng để thanh toán gốc, lãi trái phiếu cùng loại với đồng tiền phát hành.

Điều 8. Chuyển nhượng trái phiếu

Trái phiếu chuyển đổi, chứng quyền phát hành kèm theo trái phiếu không được chuyển nhượng trong tối thiểu một (01) năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành, trừ trường hợp chuyển nhượng cho hoặc chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.

Chương II

PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU TRONG NƯỚC

Điều 9. Mệnh giá trái phiếu

Mệnh giá tối thiểu của trái phiếu là một trăm nghìn (100.000) đồng, các mệnh giá khác là bội số của một trăm nghìn (100.000) đồng.

Điều 10. Đối tượng mua trái phiếu

1. Đối tượng mua trái phiếu là các tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài.
2. Tổ chức của Việt Nam không được sử dụng kinh phí của ngân sách nhà nước để mua trái phiếu.

Điều 11. Quyền lợi của chủ sở hữu trái phiếu

1. Được doanh nghiệp phát hành bảo đảm thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi trái phiếu khi đến hạn và đảm bảo việc thực hiện các quyền kèm theo (nếu có).